**GIAN LẬN VÀ SAI SÓT TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

 **Nguyễn Thị Kim Hương**

**1.1****Tổng quan về gian lận và sai sót trên Báo cáo tài chính**

***1.1.1***       ***Định nghĩa về gian lận và sai sót***

**Gian lận**: là các hành vi bất thường và phi pháp mang chủ ý lừa dối, hay đưa thông tin thiếu chính xác mà cá nhân đó biết rõ là sai hoặc tin là không đúng. Người có hành vi gian lận biết rõ hành vi đó có thể đem lại lợi ích bất hợp pháp cho cá nhân hoặc tổ chức nào đó. Gian lận có thể do người bên trong hoặc bên ngoài tổ chức thực hiện. Các loại hình gian lận phổ biến bao gồm gian lận báo cáo tài chính, biển thủ tài sản và tham nhũng.

Trên góc độ kiểm toán báo cáo tài chính, gian lận là những hành vi cố ý làm sai lệch thông tin kinh tế, tài chính do một hay nhiều người trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện, làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Gian lận có thể biểu hiện dưới các dạng tổng quát sau:

- Xuyên tạc, làm giả chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo tài chính;

- Sửa đổi chứng từ, tài liệu kế toán làm sai lệch báo cáo tài chính;

- Biển thủ tài sản;

- Che dấu hoặc cố ý bỏ sót các thông tin, tài liệu hoặc nghiệp vụ kinh tế làm sai lệch báo cáo tài chính;

- Ghi chép các nghiệp vụ kinh tế không đúng sự thật;

- Cố ý áp dụng sai các chuẩn mực, nguyên tắc, phương pháp và chế độ kế toán,    chính sách tài chính;

- Cố ý tính toán sai về số học.

Sai sót: Là những lỗi không cố ý có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, như:

- Lỗi về tính toán số học hoặc ghi chép sai.

- Bỏ sót hoặc hiểu sai, làm sai các khoản mục, các nghiệp vụ kinh tế.

- Áp dụng sai các chuẩn mực, nguyên tắc, phương pháp và chế độ kế toán, chính sách tài chính nhưng không cố ý.

- Áp dụng phương pháp đánh giá không đúng.

***1.1.2***       ***Sự nảy sinh và phát triển của gian lận***

Gian lận xuất hiện cùng với sự hình thành và phát triển của xã hội loài người. Cùng với quá trình phát triển của xã hội, hành vi gian lận ngày càng tinh vi hơn và biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Gian lận xuất hiện trong mọi nghề nghiệp ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội. Chính vì vậy, trên thế giới đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về gian lận đứng trên nhiều góc độ khác nhau nhằm giúp các nghề nghiệp có liên quan tìm được các biện pháp ngăn ngừa, phát hiện gian lận.

Công trình nghiên cứu của Donald R. Cressey (nhà nghiên cứu về tội phạm tại trường Đại học Indiana (Mỹ) vào những năm 40 của thế kỷ 20) phân tích về gian lận dưới góc độ tham ô và biển thủ thông qua khảo sát khoảng 200 trường hợp tội phạm kinh tế đã đưa ra mô hình: Tam giác gian lận (Fraud Triangle) để trình bày về các nhân tố dẫn đến các hành vi gian lận mà ngày nay đã trở thành một trong những mô hình chính thống dùng trong nhiều nghề nghiệp khác nhau trong việc nghiên cứu gian lận, trong đó có nghề kiểm toán.

Theo ông, gian lận chỉ phát sinh khi hội đủ 3 nhân tố: Áp lực, cơ hội, thái độ cá tính

- Áp lực: Gian lận thường phát sinh khi nhân viên, người quản lý hay tổ chức chịu áp lực. Áp lực có thể là những bế tắc trong cuộc sống cá nhân như do khó khăn về tài chính, do sự rạn nứt trong mối quan hệ giữa ngưởi chủ và người làm thuê.

- Cơ hội: là thời cơ để thực hiện hành vi gian lận ví dụ như là kiểm soát lỏng lẻo. Có hai yếu tố liên quan đến cơ hội là: nắm bắt thông tin và có kỹ năng thực hiện. Chức quyền càng cao thì càng có nhiều cơ hội thực hiện gian lận.

- Thái độ, cá tính: Không phải mọi người khi gặp khó khăn và có cơ hội cũng đều thực hiện gian lận mà phụ thuộc rất nhiều vào thái độ cá tính của từng cá nhân. Thiếu liêm khiết sẽ làm cho sự kết hợp giữa áp lực và thời cơ biến thành hành động gian lận.

Các kết quả nghiên cứu của Hiệp hội các nhà điều tra gian lận Mỹ ACFE vào năm 2002, 2004, 2006 trên toàn nươc Mỹ cho thấy: có 3 hình thức gian lận chủ yếu

+ Biển thủ tài sản: Xảy ra khi nhân viên biển thủ tài sản của tổ chức (ví dụ điển hình là biển thủ tiền, đánh cắp hàng tồn kho, gian lận về tiền lương).

+ Tham ô: Xảy ra khi người quản lý lợi dụng trách nhiệm và quyền hạn của họ tham ô tài sản của công ty hay hành động trái ngược với các nghĩa vụ họ đã cam kết với tổ chức để làm lợi cho bản thân hay một bên thứ ba.

+ Gian lận trên báo cáo tài chính: Là trường hợp các thông tin trên báo cáo tài chính bị bóp méo, phản ảnh không trung thực tình hình tài chính một cách cố ý nhằm lường gạt người sử dụng thông tin.

*Bảng 1:*Kết quả cuộc nghiên cứu của ACFE cho thấy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|   | Năm 2002 | Năm 2004 | Năm 2006 |
| Loại gian lận | % | Thiệt hại (USD) | % | Thiệt hại(USD) | % | Thiệt hại(USD) |
| Biển thủ | 85,7% | 80. 000 | 92.7% | 93. 000 | 91, 5 | 150. 000 |
| Tham ô | 12,8% | 530. 000 | 30,1% | 250. 000 | 30, 8 | 538. 000 |
| Gian lận trên BCTC | 5,1% | 4. 250. 000 | 7,9% | 1. 000. 000 | 10, 6 | 2. 000. 000 |

Bảng trên cho thấy dù gian lận trên báo cáo tài chính xảy ra ít thường xuyên hơn nhưng tác động của chúng đối với báo cáo tài chính lớn hơn nhiều lần so với hành vi tham ô, biển thủ và theo thời gian thì tỷ trọng của nú ngày càng gia tăng. tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng khó mà xác định được thiệt hại thực sự bởi lẽ không phải tất cả những gian lận đều bị phát hiện và không phải tất cả các gian lận được phát hiện đều được báo cáo và không phải tất cả gian lận đã báo cáo đều bị khởi tố theo đúng pháp luật.

Dưới đây là thống kê các loại gian lận phổ biến trên BCTC

Bảng 2: Các loại gian lận phổ biến trên BCTC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Loại gian lận | Trường hợp báo cáo | % (trường hợp) |
| Che dấu công nợ | 54 | 45% |
| Ghi nhận DT không có thật | 52 | 43.3% |
| Định giá sai tài sản | 45 | 37.5% |
| Ghi nhận sai niên độ | 34 | 28,3% |
| Công bố thông tin quan trọng | 56 | 48% |

**Các phương pháp gian lận thường dùng là:**

***a. Che dấu công nợ và chi phí***

Che dấu công nợ đưa đến giảm chi phí là một trong những kỹ thuật gian lận phổ biến trên BCTCnhằm mục đích khai khống lợi nhuận. Khi đó, lợi nhuận trước thuế sẽ tăng tương ứng với số chi phí hay công nợ bị che dấu. Đây là phương pháp dễ thực hiện và khó bị phát hiện vì thường không để lại dấu vết. Có ba phương pháp chính thực hiện giấu gian lận và chi phí:

- Không ghi nhận công nợ và chi phí, đặc biệt không lập đầy đủ các khoản dự phòng;

- Vốn hoá chi phí;

- Không ghi nhận hàng bán trả lại – các khoản giảm trừ và không trích trước chi phí bảo hành;

***b. Ghi nhận doanh thu không có thật hay khai cao doanh thu***

Là việc ghi nhận vào sổ sách một nghiệp vụ bán hàng hoá hay cung cấp dịch vụ không có thực. Kỹ thuật thường sử dụng là tạo ra các khách hàng giả mạo thông qua lập chứng từ giả mạo nhưng hàng húa không được giao và đầu niên độ sau sẽ lập bút toán hàng bán bị trả lại,

Khai cao doanh thu còn được thực hiện thông qua việc cố ý ghi tăng các nhân tố trên Húa đơn như số lượng, giá bỏn… hoặc ghi nhận doanh thu khi các điều kiện giao hàng chưa hoàn tất, chưa chuyển quyền sở hữu và chuyển rủi ro đối với hàng hoá – dịch vụ được bán.

***c. Định giá sai tài sản***

Việc định giá sai tài sản được thực hiện thông qua việc không ghi giảm giá trị hàng tồn kho khi hàng đã hư hỏng, không còn sử dụng được hay không lập đầy đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ phải thu khó đòi, các khoản đầu tư ngắn, dài hạn. Các tài sản thường bị định giá sai như là: các tài sản mua qua hợp nhất kinh doanh, tài sản cố định, không vốn hoá đầy đủ các chi phí vô hình, phân loại không đúng tài sản.

***d. Ghi nhận sai niên độ***

Doanh thu hay chi phí được ghi nhận không đúng với thời kỳ mà nú phát sinh. Doanh thu hoặc chi phí của kỳ này có thể chuyển sang kỳ kế tiếp hay ngược lại để làm tăng hoặc giảm thu nhập theo mong muốn.

***e. Không khai báo đầy đủ thông tin***

Việc không khai báo đầy đủ các thông tin nhằm hạn chế khả năng phân tích của người sử dụng Báo cáo tài chính. Các thông tin thường không đựợc khai báo đầy đủ trong thuyết minh như nợ tiềm tàng , các sự kiện phát sinh sau ngày khúa sổ kế túan, thông tin về bên có liên quan, các những thay đổi về chính sách kế toán…

**1. 2 Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với gian lận và sai sót theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế ISA**

**1. 2. 2. 1 Trách nhiệm kiểm toán viên theo chuẩn mực kiểm toán ISA 200 năm 2010**

ISA 200 yêu cầu KTV đưa ra một sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính đã được kiểm toán không còn các sai phạm trọng yếu dù bản chất của nú là gian lận hay sai sót. Điều này đạt được khi KTV thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để giảm bớt rủi ro đưa ra một ý kiến không phù hợp tới một mức độ chấp nhận được. Vì vậy kiểm toán viên không có trách nhiệm phát hiện các sai phạm không trọng yếu. Công việc kiểm toán không phải là việc điều tra gian lận sai sót, vì vậy kiểm toán viên không có quyền hạn pháp lý cụ thể đối với gian lận và sai sót.

KTV phải luôn có thái độ hoài nghi nghề nghiệp trong cả lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán theo các bước công việc:

- Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, cho dù do gian lận hay sai sót dựa trên sự hiểu biết đơn vị kinh doanh, môi trường kinh tế pháp lý bao gồm cả hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị.

- Thu được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc liệu có tồn tại các sai phạm trọng yếu thông qua thiết kế thực hiện theo những rủi ro đánh giá

Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính là giúp kiểm toán viên và công ty kiểm toán thu thập bằng chứng chứng minh rằng báo cáo tài chính đã được lập trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định và những chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận rộng rãi.

Trong mọi trường hợp KTV không đưa ra được mức độ đảm bảo hợp lý thì kiểm toán viên phải đưa ra ý kiến từ chối cho ý kiến hoặc rút khỏi hợp đồng kiểm toán.

Khi nghi ngờ về độ tin cậy của thông tin thu thập được kiểm toán viên cần phải điều tra thêm và xác định những sửa đổi bổ sung các thủ tục kiểm toán cần thiết.

**1. 2. 2. 2 Trách nhiệm của KTV đối với gian lận và sai sót trên Báo cáo tài chính theo ISA 240 năm 2010**

ISA 240 quy định rõ về trách nhiệm của kiểm toán viên đối với gian lận và sai sót. Theo đó, kiểm toán viên có trách nhiệm đưa ra một mức đảm bảo hợp lý rằng BCTC không có sai phạm trọng yếu dù sai phạm đó có bản chất là gian lận hay sai sót. Khi có được sự đảm bảo hợp lý, KTV có trách nhiệm duy trì thái độ hoài nghi chuyên nghiệp trong suốt cuộc kiểm toán, rằng có khả năng vẫn còn gian lận, sai sót trọng yếu và lựa chọn những thủ tục cần thiết để phát hiện. Các KTV phải đánh giá các mối quan hệ bất thường, từ việc thực hiện các thủ tục phân tích vì có thể nú tồn tại rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận.

Giám đốc (hoặc người đứng đầu) đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các gian lận và sai sót trong đơn vị thông qua việc xây dựng và duy trì thực hiện thường xuyên hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ thích hợp. Do hạn chế vốn có của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ nên khó có thể loại trừ hoàn toàn khả năng xảy ra gian lận hoặc sai sót.

Trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên và công ty kiểm toán có trách nhiệm giúp đơn vị phát hiện, xử lý và ngăn ngừa gian lận và sai sót, nhưng kiểm toán viên và công ty kiểm toán không phải chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc ngăn ngừa các gian lận và sai sót ở đơn vị mà họ kiểm toán,

              Khi lập kế hoạch và khi thực hiện kiểm toán, KTV phải đánh giá rủi ro về những gian lận và sai sót có thể có, làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và phải trao đổi với Giám đốc (hoặc người đứng dầu) đơn vị về mọi gian lận hoặc sai sót quan trọng phát hiện được.

Trên cơ sở đánh giá rủi ro, KTV phải thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp nhằm đảm bảo các gian lận và sai sót có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính đều được phát hiện.

KTV phải thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để chứng minh là không có gian lận hoặc sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính; hoặc nếu có gian lận, sai sót thì đã được phát hiện, được sửa chữa hoặc đã trình bày trong báo cáo tài chính, và KTV phải chỉ ra ảnh hưởng của gian lận và sai sót đến báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán, nên dù đã tuân thủ các nguyên tắc và thủ tục kiểm toán thì rủi ro do không phát hiện hết các gian lận và sai sót của KTV làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính vẫn có thể xảy ra. Khi xảy ra rủi ro do không phát hiện hết các gian lận và sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì phải xem xét việc chấp hành đầy đủ nguyên tắc và thủ tục kiểm toán trong từng hoàn cảnh cụ thể và tính thích hợp của các kết luận trong báo cáo kiểm toán dựa trên kết quả của các thủ tục kiểm toán đã thực hiện.

Rủi ro không phát hiện hết các sai phạm trọng yếu do gian lận cao hơn rủi ro không phát hiện hết các sai phạm trọng yếu do sai sót, vì gian lận thường đi kèm với các hành vi cố ý che dấu gian lận. KTV có quyền chấp nhận những giải trình, các ghi chép và tài liệu của khách hàng khi có bằng chứng về việc không có gian lận và sai sót. Tuy vậy, KTV phải có thái độ hoài nghi mang tính nghề nghiệp trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán và phải luôn ý thức được rằng có thể tồn tại những tình huống hoặc sự kiện dẫn đến những sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính.

Như vậy trong quá trình kiểm toán, KTV có trách nhiệm giúp đỡ đơn vị được kiểm toán trong việc phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các gian lận và sai sót, nhưng KTV và công ty kiểm toán không phải chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc ngăn ngừa các gian lận và sai sót ở đơn vị mà mình kiểm toán khi lập kế hoạch và khi thực hiện kiểm toán. KTV phải đánh giá rủi ro về các có giõn lận và sai sót có thể có, làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính và phải thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp nhằm đảm bảo các gian lận và sai sót có ảnh hưởng tất yếu đến BCTC đều được phát hiện.

Khi phát hiện gian lận và sai sót, KTV và công ty kiểm toán phải:

- Thông báo cho giám đốc hoặc người đứng đầu: KTV phải thông báo kịp thời những phát hiện của mình cho Giám đốc đơn vị được kiểm toán trong thời hạn nhanh nhất trước ngày phát hành BCTC, hoặc trước ngày phát hành Báo cáo kiểm toán, khi:

+ KTV nghi ngờ có gian lận, mặc dù chưa đánh giá được ảnh hưởng của gian lận này tới báo cáo tài chính;

+ Có gian lận hoặc có sai sót trọng yếu.

Khi nghi ngờ có gian lận, hoặc phát hiện ra gian lận hoặc sai sót trọng yếu đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, KTV và công ty kiểm toán phải cân nhắc tất cả các tình huống xem cần thông báo cho cấp nào. Trường hợp có gian lận, KTV phải đánh giá khả năng gian lận này liên quan đến cấp quản lý nào. Trong hầu hết các trường hợp xảy ra gian lận, KTV và công ty kiểm toán phải thông báo cho cấp quản lý cao hơn cấp của những người có dính líu đến gian lận đó. Khi nghi ngờ gian lận có liên quan đến người Lãnh đạo cao nhất trong đơn vị được kiểm toán thì thông thường KTV và công ty kiểm toán phải tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn pháp luật để xác định các thủ tục cần tiến hành.

- Thông báo cho người sử dụng báo cáo kiểm toán: Nếu KTV kết luận rằng có gian lận hoặc sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính nhưng gian lận hoặc sai sót này không được đơn vị sửa chữa hoặc không được phản ảnh đầy đủ trong báo cáo tài chính, thì KTV và công ty kiểm toán phải đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến không chấp nhận.

Trường hợp có gian lận hoặc sai sót có thể làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính mặc dù đã phản ánh đầy đủ trong báo cáo tài chính nhưng KTV và công ty kiểm toán vẫn phải chỉ rõ ra trong Báo cáo kiểm toán.

Nếu đơn vị không cho phép KTV thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá gian lận hoặc sai sót đã xảy ra hoặc có thể xảy ra làm ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính thì KTV và công ty kiểm toán phải đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến từ chối vì phạm vi kiểm toán bị giới hạn.

Nếu không thể xác định được đầy đủ gian lận hoặc sai sót đã xảy ra do hạn chế khách quan từ bên ngoài hoặc do chủ quan trong đơn vị được kiểm toán thì KTV và công ty kiểm toán phải xét tới ảnh hưởng của gian lận hoặc sai sót này tới Báo cáo kiểm toán.

- Thông báo cho cơ quan chức năng có liên quan:

KTV và công ty kiểm toán có trách nhiệm bảo mật các thông tin, số liệu của khách hàng, trừ trường hợp đơn vị được kiểm toán có gian lận hoặc sai sót mà theo qui định của pháp luật, KTV phải thông báo hành vi gian lận hoặc sai sót đó cho cơ quan chức năng có liên quan. Trường hợp này, KTV và công ty kiểm toán được phép trao đổi trước với chuyên gia tư vấn pháp luật.

KTV và công ty kiểm toán được phép chấm dứt hợp đồng kiểm toán khi xét thấy đơn vị được kiểm toán không có biện pháp cần thiết để xử lý đối với gian lận mà KTV cho là cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể, kể cả các gian lận không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

Trường hợp rút khỏi hợp đồng kiểm toán, nếu KTV khác được thay thế yêu cầu cung cấp thông tin về khách hàng thì KTV hiện tại phải thông báo rõ lý do chuyên môn dẫn tới buộc phải chấm dứt hợp đồng. KTV hiện tại có thể thảo luận và thông báo với KTV khác được thay thế về các thông tin của khách hàng phù hợp với luật pháp, yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp kiểm toán có liên quan và phạm vi cho phép của khách hàng. Nếu khách hàng không cho phép thảo luận về công việc của họ thì KTV hiện tại cũng phải thông báo về việc không cho phép này cho KTV được thay thế.

              Ngoài ra còn có các chuẩn mực kiểm toán trong giai đoạn lập kế hoạch liên quan đến trách nhiệm của KTV trong việc phát hiện gian lận và sai sót như: ISA 300- Lập kế hoạch, ISA 315- Hiểu biết về công ty khách hàng và đánh giá những rủi ro trọng yếu, ISA 330- Đối phó với gian lận và sai sót trên Báo cáo tài chính, 520 –Thủ tục phân tích...